

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### ***1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu***

- Tên gói thầu: Gói thầu MS-01
- Tóm tắt công việc chính gói thầu: Mua sắm ô tô 16 chỗ.
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho quốc phòng năm 2025.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025.
- Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.
- Tùy chọn mua thêm: Không.
- Giám sát hoạt động đấu thầu: Không.

##### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

###### **a. Yêu cầu chung:**

Hàng hóa do các nhà thầu cung cấp phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật sau:

- Cam kết mới 100% chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và sản xuất từ năm 2025 trở lại đây.
- Có đầy đủ mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, thông số kỹ thuật rõ ràng.
- Nhà thầu phải cam kết bằng văn bản đáp ứng các yêu cầu sau:
  - + Cung cấp đầy đủ các giấy tờ sau đối với các hàng hóa được quy định tại bảng 2.2 Yêu cầu cụ thể: CO, CQ (Chứng chỉ xuất xứ (CO), Chứng chỉ chất lượng (CQ) là bản gốc hoặc bản công chứng theo quy định hiện hành và tờ khai Hải quan (bản gốc) nếu là nhà thầu trực tiếp nhập khẩu hoặc tờ khai Hải quan (bản sao) được đóng dấu và xác nhận của đơn vị nhập khẩu. Trong trường hợp CO, CQ không phải là tiếng Việt hoặc tiếng Anh thì phải dịch ra tiếng Việt và phải được chứng thực theo đúng các quy định hiện hành.
  - + Hàng hoá trong E-HSDT phải đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp và tương thích về công nghệ với các thiết bị đang sử dụng .
- Đối với hàng hóa nhà thầu chào là tương đương, Nhà thầu phải đính kèm theo E-HSDT: Bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính sử dụng cùng các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh cho tính tương đương hoặc tốt hơn của hàng hóa chào thầu.

- Hàng hoá phải được đóng gói, bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Nhà thầu phải đính kèm tài liệu kỹ thuật, catalogue của nhà sản xuất đối với các hàng hóa được quy định tại bảng b Yêu cầu chi tiết thông số kỹ thuật trong E-HSDT để chứng minh tính đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhà thầu chào.

#### b. Yêu cầu chi tiết thông số kỹ thuật

<b>TT</b>	<b>Danh mục hàng hóa/Nội dung</b>	<b>Thông số kỹ thuật hàng hóa mua sắm</b>
<b>I</b>	<b>KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG</b>	
1	Kích thước tổng thể (DxRxC) (mm)	5998x 2068x2775
2	Chiều dài cơ sở (mm)	3 750
3	Vệt bánh trước (mm)	1 734
4	Vệt bánh sau (mm)	1 759
5	Khoảng sáng gầm xe, không nhỏ hơn (mm)	150
6	Bán kính quay vòng nhỏ nhất (m)	6,7
7	Trọng lượng không tải (kg)	2 850 ±85
8	Trọng lượng toàn tải (kg)	4100 ±120
<b>II</b>	<b>ĐỘNG CƠ</b>	
1	Kiểu	Động cơ Turbo Diesel 2.3L – TDCi, trực cam kép có làm mát khí nạp
2	Tiêu chuẩn khí thải	EURO 5
3	Dung tích xi lanh (cc)	2296
4	Công suất cực đại, không nhỏ hơn (kw/rpm)	126/3200
5	Mô men xoắn cực đại, không nhỏ hơn (kw/rpm)	425/1400-2400
6	Dung tích thùng nhiên liệu (lít)	80
<b>III</b>	<b>HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG, HỆ THỐNG TREO, LÁI VÀ PHANH</b>	
1	Công thức bánh xe	4x2
2	Hộp số	Số sàn 6 cấp
3	Ly hợp	Đĩa ma sát khô, dẫn động bằng thủy lực
4	Hệ thống treo	

<b>TT</b>	<b>Danh mục hàng hóa/Nội dung</b>	<b>Thông số kỹ thuật hàng hóa mua sắm</b>
	Trước	Hệ thống treo độc lập dùng lò xo trụ, thanh cân bằng và ống giảm chấn thủy lực
	Sau	Hệ thống treo phụ thuộc dung nhíp lá với ống giảm chấn thủy lực
5	Hệ thống phanh	
	Phanh địa trước và sau	Có
	Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)	Có
6	Trợ lực lái thủy lực	Có
7	Vành và lốp xe	Vành hợp kim 16"
	Cỡ lốp	235/65R16C
<b>IV</b>	<b>NGOẠI THẤT</b>	
1	Đàn phanh trước	LED, tự động bật đèn
2	Đèn sương mù	LED
3	Đàn phanh sau lắp cao	Có
4	Cửa lên xuống hành khách	Kiểu trượt
5	Gương chiếu hậu điều khiển điện	Có
6	Chấn bùn trước, sau	Có
7	Gạt mưa tự động	Có
8	Màu sơn	Màu đồng hoặc bạc
<b>V</b>	<b>NỘI THẤT</b>	
1	Điều hòa nhiệt độ	Tự động, 2 giàn lạnh
2	Hệ thống âm thanh	AM/FM, bluetooth, cổng Usb, 6 loa
3	Bảng đồng hồ tốc độ	Màn hình
4	Màn hình trung tâm	Màn hình cảm ứng
5	Tay lái tích hợp chức năng điều khiển âm thanh	Có
6	Ghế lái điều chỉnh 6 hướng có tựa tay	Có
7	Các hàng ghế (2.3.4) ngả được	Có
8	Hàng ghế thứ 5 gập được	Có
9	Vật liệu ghế	Nỉ kết hợp vải giả da
10	Tựa đầu các ghế	Có

<b>TT</b>	<b>Danh mục hàng hóa/Nội dung</b>	<b>Thông số kỹ thuật hàng hóa mua sắm</b>
11	Cửa sổ lái và phụ điều khiển	Có
12	Khóa cửa điện trung tâm	Có
13	Tay nắm hỗ trợ lên xuống	Có
14	Bậc bước chân điện	Có
15	Khóa cửa điều khiển từ xa	Có
16	Giá hành lý phía trên	Có
<b>VI</b>	<b>TRANG BỊ AN TOÁN</b>	
1	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD)	Có
2	Hệ thống cân bằng điện tử (ESP)	Có
3	Túi khí cho người lái	Có
4	Túi khí cho người ngồi hàng ghế trước	Có
5	Dây đai an toàn trang bị cho tất cả các ghế	Có
6	Camera lùi	Có
7	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe sau	Có
8	Hệ thống kiểm soát hành trình	Có

### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Theo chỉ định hoặc yêu cầu của Chủ đầu tư đối với từng loại hàng hóa.